TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **98**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Trịnh Thanh Trần

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim P, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã K1, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Kim P trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông G không quan tâm và có trách nhiệm với vợ con, không lo cho cuộc sống gia đình. Ông G không tôn trọng bà nên thường xuyên xảy ra cự cãi, giận dỗi thậm chí còn xúc phạm và xô xát nhau. Mâu thuẫn kéo dài ngày càng gay gắt không thể hòa giải hàn gắn được. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ánh N (nữ) sinh ngày 01/01/2005 và Nguyễn Trí M (nam) sinh ngày 01/01/2006. Cháu N hiện đã trưởng thành nên bà không yêu cầu còn Cháu M đang sống cùng với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Cháu M, không yêu cầu ông G cấp dưỡng

nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn G không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Huỳnh Kim P và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 12/4/2023 thể hiện cháu Nguyễn Trí M có nguyện vọng sống chung với bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Kim P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim P và ông Nguyễn Văn G tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003. Tuy bà P và ông G xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng trong quá trình chung sống đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông G không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Bà P, ông G có 02 người con chung tên Nguyễn Ánh N (nữ) sinh ngày 01/01/2005 và Nguyễn Trí M (nam) sinh ngày 01/01/2006. Đối với cháu Nguyễn Ánh N hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động, bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Nguyễn Trí M hiện do bà P nuôi dưỡng, trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Trí M cho bà P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông G không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà P. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp

thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Kim P và ông Nguyễn Văn G là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trí M (nam) sinh ngày 01/01/2006 cho bà P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Huỳnh Kim P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011097 ngày 10/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà P, ông G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U, tỉnh Cà Mau ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý